



QUÁI VẬT ĐẢO JEKYLL (CH. 12): TẠI SAO HOA KỲ THAM GIA THẾ CHIẾN I?

Nguồn: G. Edward Griffin, "Sinking Lusitania", in G.E. Griffin, *The Creature from Jekyll Island: A Second Look at the Federal Reserve* (5th Edition) (California: American Media, 2010), Chapter 12.

Biên dịch: Phạm Thị Thu Hà | **Hiệu đính:** Lê Hồng Hiệp

Nội dung chính: Vai trò của J.P. Morgan trong việc cấp những khoản vay cho Anh và Pháp trong Thế chiến I; việc những khoản vay này gặp rủi ro vào thời điểm Đức gần như chắc chắn chiến thắng; việc từ bỏ một con tàu Anh và hy sinh những hành khách Mỹ - một chiến lược để kéo Mỹ vào cuộc chiến; Sử dụng tiền thuế của người dân Mỹ để trả cho các khoản vay.

Nguồn gốc của Thế chiến I thường được quy cho sự kiện Hoàng tử Francis Ferdinand của Đế chế Áo- Hung bị ám sát bởi một người Serbia theo chủ nghĩa dân tộc năm 1914. Đó là một sự sỉ nhục đối với nước Áo nhưng chưa đủ là lý do để đưa thế giới lún sâu vào một cuộc xung đột chết chóc khiến hơn 10 triệu người bị chết và 20 triệu người bị thương. Trẻ con trong tuổi đi học ở Mỹ được dạy rằng ông Chú Sam nhảy vào cuộc chiến "để làm thế giới an toàn hơn cho dân chủ". Nhưng như chúng ta sắp thấy sau đây, tiếng trống chiến tranh của Hoa Kỳ được gióng lên bởi những người mang những mục tiêu ít tính lý tưởng hơn nhiều.

Từ nửa sau thế kỷ 18, [Công thức Rothschild](#) đã kiểm soát môi trường chính trị của Châu Âu. Các quốc gia gia tăng đối đầu lẫn nhau vì tranh chấp biên giới, tranh giành thuộc địa và các tuyến giao thương. Một cuộc chạy đua vũ trang đã được tiến hành trong nhiều năm, các đội quân thường trực với số lượng lớn được tuyển mộ và huấn luyện, những liên minh quân sự được hình thành, tất cả đều

nhằm chuẩn bị cho chiến tranh. Vụ ám sát Ferdinand không phải là nguyên nhân mà chỉ là ngòi nổ. Nó chỉ là tia lửa châm ngòi cho khẩu pháo đại bác được lên đạn đầu tiên.

Một sự đầu tư cho cuộc chiến

Các nhu cầu cấp bách về chiến tranh tại Châu Âu buộc Anh và Pháp lún sâu vào nợ nần. Khi các ngân hàng trung ương của các nước này và những ngân hàng thương mại địa phương không còn đáp ứng được nhu cầu này, các quốc gia đang trong tình trạng nguy khốn này tìm đến Mỹ và chọn Gia tộc Morgan - với vai trò là đối tác của nhà Rothschilds - làm đại lý phát hành trái phiếu cho họ. Phần lớn khoản tiền thu được theo cách này nhanh chóng quay trở lại Mỹ để thu mua vật tư liên quan đến chiến tranh, và Morgan được lựa chọn làm đại lý Mỹ chuyên thu mua những vật tư này. Hoa hồng được trả cho tất cả các giao dịch theo cả hai chiều: một lần khi khoản tiền được mượn và một lần nữa khi nó được chi ra. Hơn nữa, nhiều công ty nhận được hợp đồng sản xuất hoàn toàn thuộc quyền sở hữu của Morgan hoặc nằm chắc chắn trong tầm kiểm soát về tài chính của Morgan. Nhờ một sự sắp xếp như thế, sẽ không có gì bất ngờ, như chúng sẽ thấy sau đây, khi Morgan đã không quá trông chờ cuộc chiến kết thúc. Ngay cả những người đáng kính nhất cũng bị lôi kéo bởi sự cám dỗ của dòng tiền khổng lồ này.

Được viết vào năm 1919, chỉ vài tháng sau khi kết thúc chiến tranh, John Moody nói:

Anh và Pháp không chỉ chi trả cho những nhà cung cấp của họ bằng những khoản tiền được cấp bởi Phố Wall mà họ còn thu mua thông qua cùng một trung gian đó. Chắc chắn tập đoàn Morgan được lựa chọn cho nhiệm vụ quan trọng này. Vì thế cuộc chiến đã trao cho Phố Wall một vai trò hoàn toàn mới. Trước đó, nó chỉ là một trụ sở tài chính, nhưng giờ đây nó còn trở thành chợ công nghiệp lớn nhất mà thế giới từng biết đến. Bên cạnh việc bán cổ phiếu và trái phiếu, cung cấp vốn cho ngành đường sắt và thực hiện những nhiệm vụ khác của một trung tâm ngân hàng lớn, Phố Wall bắt đầu thực hiện những hợp đồng đạn pháo, đại bác, tàu ngầm, chăn, quần áo, giày dép, thịt hộp, bột mì và hàng ngàn vật phẩm khác cần thiết cho việc theo đuổi một cuộc chiến lớn.¹

Tiền bắt đầu chảy từ tháng 1 năm 1915 khi Gia tộc Morgan ký hợp đồng với Hội đồng Quân đội và Hải quân Anh. Thương vụ đầu tiên thật kỳ lạ là dành để mua ngựa và khoản tiền được đấu thầu là 12 triệu đô. Nhưng đó mới chỉ là những giọt nước đầu tiên của trận mưa rào. Tổng lượng thu mua thực tế sẽ lên tận 3 tỷ đô.

¹ John Moody, *The Masters of Capital* (New Haven: Yale University Press, 1919), trang 164-165.

Công ty trở thành người mua hàng lớn nhất thế giới, với khoản chi lên đến 10 triệu đô/ngày. Văn phòng Morgan tại 23 Phố Wall bị bao vây bởi các nhà môi giới và các nhà sản xuất đang tìm cách có được hợp đồng. Ngân hàng này đã phải đặt nhân viên bảo vệ ở tất cả các cửa cũng như tại nhà ở của các nhân viên chính. Hàng tháng, Morgan chủ trì những thương vụ có giá trị tương đương với Tổng sản phẩm quốc dân của toàn thế giới chỉ một thế hệ trước đó.²

Trong suốt thời gian này, Morgan luôn quả quyết mạnh mẽ mình là người yêu chuộng hòa bình. Ông đã nói tại Ủy ban Quân trang Thượng viện: “Không ai có thể ghét chiến tranh hơn tôi”. Nhưng sự bộc bạch ngay thẳng đó khó được chấp nhận. Lewinsohn nhận xét:

Khoản vay 500 triệu đô la được ký vào mùa thu năm 1915 mang đến cho nhóm các ngân hàng, mà người đứng đầu là Morgan, một khoản lợi nhuận ròng 9 triệu đô... Một lần nữa, năm 1917, chính phủ Pháp trả cho Morgan và những ngân hàng khác khoản hoa hồng 1,5 triệu đô và 1 triệu đô nữa năm 1918.

Ngoài các khoản cho vay còn có nguồn lợi nhuận khác: Việc mua và bán tại Mỹ các loại chứng khoán mà các nước đồng minh muốn bán để có tiền mua đạn dược từ Hoa Kỳ. Ước đoán rằng trong giai đoạn chiến tranh, một khoản 2 tỷ đô lưu thông theo cách này qua tay của Morgan. Ngay cả khi tiền hoa hồng rất nhỏ, những giao dịch với quy mô như vậy có thể cho ông ta khả năng ảnh hưởng tới thị trường chứng khoán nơi có thể mang lại những lợi thế thực sự...

Sự thù ghét chiến tranh của ông không ngăn cản ông, công dân của một quốc gia trung lập, cung ứng cho các cường quốc 4.400.000 khẩu súng trường tương đương với 194 triệu đô la... Lợi nhuận này đã bù đắp phần nào đó sự thù ghét chiến tranh của ông. Riêng về phần mình, ông nhận được từ việc làm đại lý cho chính phủ Anh và Pháp một khoản hoa hồng 1% trên các đơn hàng tổng giá trị 3 tỷ đô. Ngoài 2 đối tác chính trên, Morgan còn làm việc cho Nga (với số thương vụ lên đến 412 triệu đô), cho Italy và Canada (quy mô hoạt động kinh doanh của Morgan với 2 đối tác cuối này vẫn chưa được công bố)...

J.P. Morgan, và một vài cộng sự của ông trong ngân hàng, trong thời gian này là cổ đông của những công ty ...vốn có được khoản lợi nhuận khổng lồ từ những đơn hàng mà Morgan giao cho họ... Thực sự đáng kinh ngạc khi một công việc mua sắm trọng yếu lại được ủy thác cho một người vừa là người mua và người bán.³

² Chernow, trang 187-89.

³ Lewinsohn, trang 103-4,222-24.

Tàu ngầm U-boat của Đức suýt thắng trong cuộc chiến

Tuy nhiên có những đám mây đen che phủ Phố Wall khi cuộc chiến trở nên xấu đi với phe Đồng minh. Khi thời gian qua đi và lịch sử cô đọng lại, thật dễ để quên rằng Đức và các Cường quốc Trung tâm đã suýt giành phần thắng trước khi Mỹ tham chiến. Sử dụng một hạm đội nhỏ gồm những con tàu ngầm mới được phát triển, Đức đã sắp sửa cắt đứt thành công mọi nguồn viện trợ bên ngoài cho Anh và các nước đồng minh. Đó là một chiến thắng đáng kinh ngạc và đã thay đổi mãi mãi khái niệm chiến tranh hải quân. Đức có tất cả 21 tàu ngầm U-boat, nhưng chúng cần được sửa chữa và bảo dưỡng thường xuyên, nên tại một thời điểm số lượng tối đa trực ngoài biển chỉ là 7. Mặc dù thế, từ 1914 đến 1918, tàu ngầm Đức đã đánh chìm hơn 5.700 tàu mặt nước. 300.000 tấn hàng của quân đồng minh bị chìm xuống đáy biển mỗi tuần. Cứ bốn con tàu hơi nước rời cảng của Anh thì có một chiếc không bao giờ trở lại. Trong những năm sau đó, Ngoại trưởng Anh Arthur Balfour viết rằng: “Vào thời gian đó, có vẻ như chúng tôi chắc chắn sẽ thua trận”.⁴ Robert Ferrell, trong tác phẩm *Woodrow Wilson và Thế chiến I*, kết luận: “quân đồng minh đã tiến gần tới bờ vực của thảm họa, không có cách nào khác ngoài chấp nhận những điều kiện của Đức.”⁵ William McAdoo, Bộ trưởng Bộ Tài chính giai đoạn đó (và cũng là con rể của Wilson) nói trong hồi ký của ông:

“Người Anh gần mất hết tinh thần trên biển, họ ý thức sâu sắc về một thảm họa có thể xảy ra. Có một nỗi sợ hãi có cơ sở rằng Anh có thể bị bỏ đói dẫn đến đầu hàng trong khốn khổ ... Ngày 27/04/1917, Đại sứ Walter H. Page mật báo cho tổng thống rằng lương thực thực phẩm tại Anh không đủ để cung cấp cho cư dân trong 6 tuần đến 2 tháng.”⁶

Trước tình hình trên, Morgan không thể tìm kiếm được người mua mới cho những trái phiếu chiến tranh của các nước đồng minh, dù để có nguồn vốn mới hay để thanh toán cho các trái phiếu cũ đã đến ngày đáo hạn và đổi mặt với nguy cơ vỡ nợ. Vấn đề này thực sự nghiêm trọng bởi một vài lý do. Nếu lượng bán trái phiếu tạm dừng lại thì sẽ không có tiền để tiếp tục đầu tư cho vật tư chiến tranh. Hoa hồng có thể bị mất ở cả hai đầu. Hơn nữa, nếu những trái phiếu được bán trước đó rơi vào tình trạng không thanh toán được, điều chắc chắn sẽ xảy ra nếu Anh và Pháp buộc phải chấp nhận hòa bình theo các điều kiện mà Đức đưa ra, thì các nhà đầu tư sẽ phải chịu những khoản thua lỗ nặng nề. Cần phải làm điều gì đó. Nhưng là cái gì? Robert Ferrell gợi ý câu trả lời:

⁴ Balfour MSS, FO/800/208, British Foreign Office records, Public Record Office, London, as cited by Robert H. Ferrel I, *Woodrow Wilson and World War I* (New York: Harper & Row, 1985), trang 35.

⁵ Ferrel I, trang 12.

⁶ William G. McAdoo, *Crowded Years* (New York: Houghton Mifflin, 1931; rpt. New York: Kennikat Press, 1971), trang 392.

Giữa thập niên 1930, một ủy ban Thượng viện đứng đầu là Gerald P. Nye của bang Bắc Dakota đã điều tra việc buôn bán vũ khí trước năm 1917 và nêu lên một khả năng rằng chính quyền Wilson đã tham chiến bởi các ngân hàng Mỹ cần phải bảo vệ những khoản vay của các nước đồng minh.⁷

Như đã được William McAdoo đề cập ở trên, đại sứ Mỹ ở Anh vào thời điểm đó là Walter Hines Page, một thành viên ủy thác của một tổ chức xã hội của Rockefeller có tên gọi là Hội đồng Giáo dục Tổng hợp. Ủy ban Nye xác nhận rằng, bên cạnh lương chính phủ vốn bị ông ta phàn nàn là không đủ, Page còn nhận được một khoản phụ cấp 25.000 đô/năm (một con số khổng lồ vào năm 1917) từ Cleveland Dodge, chủ tịch Ngân hàng National City Bank của Rockefeller. Ngày 15/03/1917, Đại sứ Page gửi một bức điện cho Bộ Ngoại giao tóm tắt cuộc khủng hoảng tài chính tại Anh. Bởi những nguồn cấp vốn mới đã cạn kiệt, theo ông cách duy nhất để duy trì cuộc chiến là nhận tài trợ trực tiếp từ Bộ Tài chính Mỹ. Tuy nhiên, bởi hành động này vi phạm các hiệp ước trung lập, Mỹ có thể phải từ bỏ vị trí trung lập của mình và nhảy vào cuộc chiến. Ông nói:

Tôi cho rằng áp lực của cuộc khủng hoảng đang tới gần đã vượt ra ngoài khả năng ứng phó của Cơ quan Tài chính Morgan đối với chính phủ Pháp và Anh... Sự giúp đỡ lớn nhất chúng ta có thể dành cho các quốc gia Đồng minh là một khoản tín dụng như vậy... Trừ khi chúng ta tham chiến chống lại Đức, thì chính phủ của chúng ta tất nhiên không thể cung cấp một khoản trợ cấp tín dụng trực tiếp như vậy.⁸

Tập đoàn Morgan đã cho Anh và Pháp vay một khoản trị giá 1,5 tỷ đô la. Với việc cuộc chiến này trở nên bất lợi cho họ, các nhà đầu tư phải đối mặt với nguy cơ thua lỗ hoàn toàn. Như Ferdinand Lundberg quan sát: "Sự tuyên chiến của Mỹ, ngoài việc giải cứu những dòng họ giàu nhất nước Mỹ khỏi một tình trạng nguy hiểm, thì còn mở ra một triển vọng lợi nhuận mới."⁹

Đại tá House

Ở giai đoạn này, một trong những người có ảnh hưởng nhất đứng ở hậu trường là Đại tá Edward Mandell House, cố vấn riêng của Woodrow Wilson, và sau đó là của Franklin D. Roosevelt. House có mối liên hệ mật thiết với cả J.P. Morgan và những gia tộc ngân hàng lâu đời của Châu Âu. Ông có vài năm học tập tại Anh và, trong

⁷ Ferrel I, trang 88.

⁸ Quoted by Ferdinand Lundberg, *America's Sixty Families* (New York: Vanguard Press, 1937), trang 141. Also see Link et al., eds., *The Papers of Woodrow Wilson*, Vol. 41 (1983), trang 336-37, cited by Ferrel I, trang 90.

⁹ Lundberg, trang 141-42

những năm sau đó, vây quanh ông là những thành viên tiêu biểu của Hội Fabian. Thêm vào đó, ông còn là người có nhiều tài sản, phần lớn có được trong cuộc nội chiến Hoa Kỳ. Cha ông, Thomas William House, làm đại diện bí mật cho các ngân hàng London ẩn danh tại Hoa Kỳ. Ông được cho là đại diện của Rothschilds. Mặc dù định cư tại Houston, Texas, người cha thường nhắc nhở rằng ông muốn con ông "biết và phụng sự cho Anh quốc". Ông là một trong số ít cư dân của một bang ly khai miền Nam bước ra khỏi cuộc nội chiến với một khối tài sản lớn.

Đại tá House được thừa nhận rộng rãi là người đã lựa chọn Wilson cho vị trí ứng cử viên tổng thống và cũng là người đảm bảo Wilson được đảng đề cử.¹⁰ Ông trở thành người đồng hành trung thành của Wilson, và tổng thống đã công khai thừa nhận rằng ông phụ thuộc rất nhiều vào các chỉ dẫn của Đại tá House. Nhiều quyết định bổ nhiệm quan trọng của Wilson trong chính phủ do House tận tay lựa chọn. Ông và Wilson thậm chí còn đi xa hơn khi phát triển một bản mật mã cá nhân nhờ đó họ có thể giao tiếp tự do qua điện thoại.¹¹ Chính tổng thống đã từng viết: "Ông House là nhân cách thứ hai của tôi. Ông ấy là phần khác của tôi. Suy nghĩ của ông và của tôi là một."¹²

George Viereck, một người viết tiểu sử ngưỡng mộ House, nói với chúng ta:

House nắm đoàn đại biểu Texas trong tay... Luôn luôn di chuyển lặng lẽ phía sau, ông đã dựng lên và hạ xuống nhiều thống đốc bang Texas... House lựa chọn Wilson bởi vì ông đánh giá Willson là ứng cử viên sáng giá nhất...

Trong suốt 7 năm, Đại tá House là hiện thân khác của Wilson. Trong 6 năm ông chia sẻ cùng Wilson mọi quyết định trừ việc bổ nhiệm chức danh Chánh án tòa án tối cao Hoa Kỳ. Trong 6 năm, ông được toàn quyền sử dụng hai phòng ở nửa phía Bắc của Nhà Trắng... Chính House là người lên danh sách cho Nội các, xây dựng những chính sách đầu tiên của Chính phủ và trực tiếp điều hành quan hệ đối ngoại của Mỹ. Chúng ta thực tế có hai tổng thống trong một!... Là Siêu đại sứ, ông nói chuyện với các vị vua và hoàng đế như là một người đồng cấp. Ông là tổng tư lệnh tinh thần của Chính phủ, là người thuyền trưởng chèo lái con thuyền này.¹³

¹⁰ *The Columbia Encyclopedia* (Third Edition, 1962, trang 2334) nói rằng sự đề cử của Đảng Dân chủ dành cho Wilson khi William Jennings Bryan chuyển sang ủng hộ ông là "do Edward M. House dẫn dắt." Chi tiết xem thêm Martin, trang 155.

¹¹ Charles Seymour, *The Intimate Papers of Colonel House* (New York: Houghton Mifflin Co., 1926), Vol. I, trang 114-15.

¹² Seymour, Vol. I, trang 114.

¹³ George Sylvester Viereck, *The Strangest Friendship in History: Woodrow Wilson and Colonel House* (New York: Liveright Publishers, 1932), trang 4, 18-19, 33, 35.

Một hiệp định bí mật kéo Mỹ vào cuộc chiến

Khi cuộc bầu cử tổng thống sắp tới gần nhiệm kỳ thứ hai của Wilson, Đại tá House tham gia vào một chuỗi đàm phán bí mật với Sir William Wiseman, người có quan hệ mật thiết với Đại sứ quán Anh tại Washington và là người có vai trò như một trung gian bí mật giữa House và Bộ Ngoại giao Anh. Charles Seymour viết: "Giữa House và Wiseman đã sớm có một vài bí mật chính trị."¹⁴ Điều này làm Ngoại trưởng William Jennings Bryan không hài lòng. Bà Bryan, đồng tác giả cuốn hồi ký của chồng bà, viết:

Trong khi Bộ trưởng Bryan đang phải chịu những trách nhiệm nặng nề của Bộ Ngoại Giao, thì một tình trạng kỳ lạ nổi lên quanh mối quan hệ không chính thức giữa ông E.M. House với tổng thống và những chuyến công tác nước ngoài của ông để giải quyết các vấn đề đối ngoại của chính phủ mà không thông qua Bộ trưởng Bryan... Tổng thống đã giao thiệp một cách không chính thức với các quốc gia khác.¹⁵

Mục đích của những giao dịch này là gì? Không có gì khác ngoài giải quyết vấn đề liệu Mỹ có thể tham chiến không. Viereck giải thích:

10 tháng trước cuộc bầu cử giữ Wilson ở lại Nhà Trắng năm 1916 "bởi ông giữ nước Mỹ đứng ngoài cuộc chiến," Đại tá House đã đàm phán một hiệp định bí mật với Pháp và Anh thay mặt Wilson qua đó cam kết Mỹ sẽ can thiệp vào cuộc chiến theo phe các nước đồng minh.

Ngày 9/3/1916, Woodrow Wilson chính thức phê chuẩn cam kết này. Nếu việc đàm phán và ký kết giữa Đại tá House và các lãnh đạo của Anh và Pháp đến tai dân Mỹ trước cuộc bầu cử, nó có thể đã tạo ra làn sóng dư luận khôn lường...

Từ cuộc đàm phán này và một loạt cuộc hội nghị khác với Sir Edward Grey, Hiệp ước bí mật đã được xây dựng mà không cần thông báo và có sự thông qua của Thượng viện Hoa Kỳ, qua đó Woodrow Wilson và House trói Mỹ vào cỗ xe ngựa của phe Liên minh... Sau cuộc chiến, nội dung của bản hiệp định bị rò rỉ ra ngoài là vấn đề đầu tiên được bàn tán. Đại sứ Page bàn luận rất nhiều về vấn đề này. Đại tá House nói về lịch sử của nó. C. Hartlet Grattan cũng phân tích kỹ vấn đề này trong cuốn sách của ông có tựa đề *Tại sao chúng ta tham chiến (Why We Fought)*. Nhưng vì một vài lý do khó lý giải, ý nghĩa to lớn của sự tiết lộ này chưa bao giờ được người dân Mỹ biết đến rộng rãi.¹⁶

¹⁴ Seymour, Vol . II, trang 399.

¹⁵ William Jennings Bryan and Mary Baird Bryan, *The Memoirs of William Jennings Bryan* (New York: Kennikat Press, 1925), Vol .II, trang 404-5.

¹⁶ Viereck, trang 106-08. Vấn đề này, cùng với bản ghi chú đầy đủ của Sir Edward, được thảo luận trong *The Memoirs of William Jennings Bryan Vol. II*, trang 404-6.

Điều khoản cơ bản của Hiệp định này là chính phủ Mỹ sẽ đề nghị đàm phán một giải pháp hòa bình giữa Đức và các nước Đồng minh và sau đó sẽ đưa ra một đề xuất đặc biệt cho những điều khoản của giải pháp này. Nếu một trong hai bên từ chối đề xuất này thì Mỹ sẽ tham chiến với tư cách đồng minh của phe còn lại. Mục tiêu là nội dung của đề xuất được lập cẩn thận để Đức không thể chấp nhận. Vì thế, đối với thế giới, có vẻ như Đức là phía có lỗi và Mỹ vẫn có tính nhân đạo. Như Đại sứ Page nói trong bản ghi ngày 09/02/1916:

House di chuyển giữa Berlin- Harve- Paris để nói về khả năng can thiệp của Mỹ. Đầu tiên, kế hoạch của ông ấy là ông ấy và tôi và một nhóm trong nội các Anh (Grey, Asquith, Lloyd George, Reading, vv...) nên ngay lập tức thảo ra một chương trình hòa bình tối thiểu để phe Đồng minh chấp nhận, cái mà theo House là Đức không thể đồng ý. Sau đó Tổng thống sẽ đưa chương trình này trình bày cho cả hai phe; bên nào từ chối sẽ phải chịu trách nhiệm đối với việc chiến tranh tiếp diễn... Tất nhiên, điểm yếu chết người về mặt đạo đức của đề án nói trên là chúng ta (Mỹ) phải lún sâu vào cuộc chiến, không phải bởi nguyên nhân bắt buộc mà bởi một toan tính đã được chuẩn bị kỹ lưỡng.¹⁷

Nhìn bề ngoài, có một nghịch lý là Wilson, người luôn luôn ủng hộ hòa bình, nay lại tham dự một hiệp định bí mật với các cường quốc nước ngoài để kéo Mỹ vào một cuộc chiến tranh mà nước Mỹ có thể dễ dàng né tránh. Chìa khóa có thể giải mã bí ẩn này là sự thật rằng Wilson cũng là một người theo chủ nghĩa quốc tế. Một trong những mối liên hệ mật thiết nhất giữa House và Wilson là ước mơ chung của họ về một chính phủ toàn cầu. Họ đều nhận ra rằng người Mỹ sẽ không bao giờ chấp nhận khái niệm này trừ khi có những tình tiết giảm nhẹ. Họ cho rằng một cuộc chiến đẫm máu kéo dài có thể là sự kiện duy nhất có thể tác động đến suy nghĩ người Mỹ khiến họ chấp nhận từ bỏ chủ quyền quốc gia, đặc biệt nếu nó được bao bọc bởi lời hứa sẽ đặt dấu chấm hết cho mọi cuộc chiến trong tương lai. Wilson cũng biết rằng nếu Mỹ tham chiến đủ sớm để tạo ra một điều thực sự khác biệt trong cuộc chiến, và nếu một lượng lớn đô la được các nước đồng minh vay, ông sẽ có được vị thế để đặt ra các điều khoản hòa bình sau chiến tranh. Ông viết cho Đại tá House: "Anh và Pháp không có cùng quan điểm về hòa bình như chúng ta theo bất cứ cách nào. Khi cuộc chiến kết thúc, chúng ta có thể ép các nước này theo suy nghĩ của chúng ta bởi lúc đó họ sẽ bị phụ thuộc tài chính vào chúng ta."¹⁸ Và sau đó Wilson đã phải chịu đựng một thứ cảm xúc lẫn lộn khi chính ông dàn dựng cuộc chiến như là một điều xấu xa cần thiết để mang lại cái mà ông cho là điều tốt nhất, đó là chính phủ toàn cầu.

¹⁷ Quoted by Viereck, trang 112-13.

¹⁸ Quoted by Ferrel I , trang 88.

Đầu năm 1917, Tổng thống đã bắt đầu hé lộ về cuộc chiến và chính phủ toàn cầu trong hầu hết các bài phát biểu công khai. Trong một tuyên bố tiêu biểu tháng 3 cùng năm, ông nói: “Những sự kiện bi kịch trong 30 tháng rối loạn nghiêm trọng mà chúng ta vừa trải qua đã biến chúng ta trở thành các công dân của thế giới. Sẽ không có đường quay lại. Vận mệnh của dân tộc chúng ta gắn liền với vận mệnh thế giới, dù vận mệnh đó có may mắn hay không.”¹⁹

Cũng chính khoảng thời gian này Wilson đã cùng với những nhà lãnh đạo của Đảng Dân chủ trong Quốc hội cùng nhau có một buổi họp ăn sáng đặc biệt tại Nhà Trắng. Ông đã trình bày với họ rằng mặc dù công chúng không đồng tình nhưng có rất nhiều lý do hợp lý để nước Mỹ nhảy vào cuộc chiến, và ông đề nghị họ giúp ông thuyết phục Quốc hội và cử tri về kế hoạch này. Harry Elmer Barnes cho biết:

Những vị này phản đối chiến tranh và từ chối kịch liệt đề xuất của ông. Wilson biết rằng ngay trước kỳ bầu cử mà làm đảng bị chia rẽ là không nên, vì thế ông gạt vấn đề này sang một bên và cùng với Đại tá House vạch ra một đề cương hòa bình cho chiến dịch tranh cử sắp tới. Thống đốc Martin Glynn của New York và thượng nghị sĩ Ollie James của Kentucky được cử tới Hội nghị St. Louis để phát biểu dẫn đề trên cơ sở khẩu hiệu: “Ông ấy giữ chúng ta đứng ngoài chiến”... Trước khi tuyên thệ nhậm chức lần thứ hai, người Đức đã trao lợi thế vào tay ông khi thông báo nối lại chiến tranh tàu ngầm... Đó là điều may mắn cho Anh và các ngân hàng khi mà người Đức phạm sai lầm đúng lúc này, khi mà Anh đã thậm chí khoản tín dụng mà Mỹ cung cấp cho là hơn 450 triệu đô la và các ngân hàng đang gặp khó khăn trong việc phát hành thêm các khoản cho vay cá nhân lớn. Đã đến lúc chuyển gánh nặng tài chính của phe Liên minh cho Bộ Tài chính liên bang.²⁰

Thuyết phục người Mỹ về chiến tranh

Thông qua những hiệp định và âm mưu bí mật, Mỹ đã cam kết tham chiến, nhưng các nhà chính trị và tiền tệ nhận ra rằng vẫn còn việc cần làm để thay đổi quan điểm của công chúng. Làm thế nào để đạt được mục đích này?

Sự kiểm soát của Phố Wall đối với những phân đoạn quan trọng của truyền thông là rất đáng lưu tâm. George Wheeler nói với chúng tôi rằng: “Quanh thời điểm đó, công ty Morgan đang chọn nhà quản lý cấp cao cho Công ty xuất bản lâu

¹⁹ Ferrel I, trang 12.

²⁰ Harry Elmer Barnes, *In Quest of Truth and Justice: De-Bunking the War Guilt Myth* (Chicago: National Historical Society, 1928; rpt. New York: Arno Press & The New York Times, 1972), trang 104. Để biết một tường thuật khác về cuộc họp này, xem Viereck, trang 180-83.

đời đang gặp rắc rối là Harper & Brothers.... Trong lĩnh vực báo chí, Pierpont Morgan trong giai đoạn này đang nắm quyền kiểm soát tờ *New York Sun*,... *Boston News Bureau*, tạp chí *Barron's*, và tờ *Wall Street Journal*²¹

Ngày 09/02/1917, Hạ nghị sĩ Callaway đến từ Texas tham dự hội nghị và cung cấp thêm cách nhìn. Ông nói:

Tháng 3 năm 1915, các nhóm lợi ích thuộc J.P. Morgan, các nhóm về lĩnh vực sắt thép, đóng tàu và thuốc súng cùng các công ty con chọn ra 12 người sáng giá nhất trong ngành báo chí thế giới và thuê họ để chọn ra những tờ báo có sức ảnh hưởng nhất nước Mỹ và một số người trong số họ giúp quản lý tổng thể các chính sách áp dụng cho những ấn phẩm xuất bản hàng ngày... Họ nhận ra chỉ cần nắm được quyền kiểm soát 25 trong số các tờ báo tốt nhất... Một thỏa thuận đã được thông qua; chính sách của các tờ báo đã bị mua chuộc và thanh toán ngay trong tháng; một biên tập viên được bổ sung thêm cho mỗi tờ báo giúp họ giám sát và chỉnh sửa thông tin liên quan đến những câu hỏi về sự sẵn sàng tham chiến, chính sách quân sự và tài chính và những vấn đề trong nước và quốc tế phù hợp với lợi ích của những người mua chuộc.²²

Charles S. Mellen đến từ Công ty Đường sắt New Haven làm chứng trước Quốc hội rằng công ty đường sắt của ông, thực chất do Morgan làm chủ, có hơn 1.000 biên tập viên New England trong biên chế, tốn khoảng 400.000 USD/năm. Công ty đường sắt cũng nắm giữ gần nửa triệu đô dưới hình thức trái phiếu do *Boston Herald* phát hành.²³ Mạng lưới kiểm soát này được nhân lên bởi hàng trăm công ty liên quan được kiểm soát cũng bởi Morgan và những ngân hàng đầu tư khác.

Thêm vào đó, Morgan còn thực hiện việc kiểm soát phương tiện truyền thông thông qua sức mạnh của quảng cáo. Viết năm 1937, Lundberg trình bày rằng: "J.P. Morgan kiểm soát lượng quảng cáo nhiều hơn bất cứ tập đoàn tài chính đơn lẻ nào, một yếu tố ngay lập tức khiến các nhà xuất bản độc lập phải dành sự chú ý đầy nể trọng cho ngân hàng này."²⁴

Việc Morgan kiểm soát phương tiện truyền thông vào giai đoạn đó đã được ghi chép rõ ràng, nhưng không có nghĩa chỉ có một mình ông hoạt động trong lĩnh vực này. Tại phiên điều trần năm 1912 được tổ chức bởi Ủy ban Đặc quyền và Bầu cử Thượng viện, Hạ nghị sĩ Joseph Sibley đến từ Pennsylvania được tiết lộ là đã làm trung gian rút tiền của Fockefeller tới rất nhiều Nghị sĩ. Một lá thư được giới thiệu tại Ủy ban do Sibley viết năm 1905 gửi tới John D. Archbold, người thuộc Công ty

²¹ George Wheeler, *Pierpont Morgan and Friends: The Anatomy of a Myth* (Englewood Cliffs, New Jersey: Prentice Hall, 1973), trang 283-84.

²² *Congressional Record*, Vol. 54, Feb. 9, 1917, trang 2947.

²³ Lundberg, trang 257. [khoản tiền \$400,000 năm 1915 tương đương với \$4,400,000 ngày nay]

²⁴ Lundberg, trang 252.

Standard Oil của Rockefeller và cũng là người cung cấp khoản tiền. Trong lá thư, Sibley nói: “Một phòng biên tập hiệu quả là cần thiết, không phải chỉ cho một ngày hay một cuộc khủng hoảng mà là để kiểm soát lành mạnh lâu dài hãng *Associated Press* và các cơ quan tương tự. Việc này sẽ tốn kém nhưng cuối cùng sẽ là cách tiết kiệm nhất.”²⁵

Lundberg nhận xét thêm:

Thông tin có được cho tới lúc này cho thấy Rockefellers đã từ bỏ chính sách cũ là sở hữu hoàn toàn các tờ báo và tạp chí, thay vào đó giờ đây ông dựa vào các ấn phẩm thuộc mọi thành phần để phục vụ tốt nhất lợi ích của họ, đổi lấy một lượng lớn đầu mỏ và quảng cáo (cho) đồng minh dưới sự chỉ đạo của Rockefeller. Sau khối J.P. Morgan, Rockefellers có trong tay lượng quảng cáo nhiều hơn bất cứ tổ chức nào khác. Và khi chỉ mình quảng cáo không đủ hiệu quả trong việc đảm bảo sự trung thành của một tờ báo thì các công ty của Rockefeller được biết là đã trực tiếp chi ra để đổi lấy thái độ hợp tác từ các biên tập viên.²⁶

Vì thế không ngạc nhiên khi một phần lớn báo chí quốc gia, đặc biệt là ở miền Đông, bắt đầu lên tiếng phê phán Đức. Những lời kêu gọi tiến hành cuộc chiến chống lại “kẻ thù của nền văn minh phương Tây” lan rộng khắp cả nước. Các biên tập viên trở nên hùng hồn về trách nhiệm yêu nước của tất cả người dân Mỹ để bảo vệ nền dân chủ thế giới. Các cuộc tuần hành và diễu binh lớn thể hiện tinh thần sẵn sàng chiến đấu đã được tổ chức trên phạm vi lớn.

Nhưng như thế vẫn chưa đủ. Mặc dù đã tổ chức chiến dịch lớn để lôi kéo lòng tin, người dân Mỹ vẫn không bị cắn câu. Các cuộc thăm dò được thực hiện giai đoạn này thể hiện tâm lý chung vẫn là ủng hộ việc đứng ngoài cuộc chiến ở Châu Âu. Rõ ràng, cần phải làm điều gì đó quyết liệt và nghiêm trọng hơn để thay đổi quan điểm của công chúng.

Morgan kiểm soát hàng hải

Ngân hàng không phải lĩnh vực kinh doanh duy nhất mà Morgan có lợi ích tài chính lớn. Sử dụng quyền kiểm soát đối với ngành đường sắt quốc gia làm đòn bẩy tài chính, ông đã tạo ra một lĩnh vực độc quyền trong lĩnh vực vận chuyển đường biển quốc tế gồm cả hai hãng tàu lớn nhất Đức cộng với một trong hai hãng tàu lớn nhất tại Anh, hãng White Star Lines. Năm 1902, Morgan đã từng nỗ lực kiểm soát nốt hãng tàu lớn còn lại của Anh, Cunard Company, nhưng ông bị ngăn cản bởi Hải

²⁵ *Ibid.*, trang 97, 249.

²⁶ *Ibid.*, trang 247.

quân Anh bởi họ muốn giữ Cunard nằm ngoài tầm kiểm soát của các thế lực nước ngoài để tàu của Cunard có thể được đưa vào phục vụ quân đội trong thời chiến nếu cần. Tàu *Lusitania* và *Mauretania* do Cunard đóng trở thành đối thủ cạnh tranh chính của cartel của Morgan. Bởi vậy, một chú thích thú vị của lịch sử là theo quan điểm của Morgan, sự tồn tại của tàu *Lusitania* là không cần thiết. Ron Chernow giải thích:

Pierpont đã xây dựng một kế hoạch cho một công ty hàng hải Mỹ để chuyển đổi nguyên tắc "cộng đồng lợi ích" – tức sự hợp tác của các đối thủ cạnh tranh trong một ngành công nghiệp nào đó - sang phạm vi toàn cầu. Ông tạo ra... (hạm đội) tư nhân lớn nhất thế giới... Một kiến trúc sư quan trọng trong việc xây dựng công ty độc quyền hàng hải là Albert Ballin, mà hãng tàu hơi nước Hamburg-Amerika Steamship Line nơi ông làm chủ sở hữu hàng trăm con tàu, là hãng tàu lớn nhất thế giới... Pierpont phải chiến đấu với độc nhất một hãng tàu, hãng Cunard của Anh...Sau chiến tranh Boer, tập đoàn Morgan và Cunard làm kiệt quệ lẫn nhau bởi các cuộc chiến giảm lãi suất.²⁷

Như trình bày ở trên, Morgan được giữ làm đại lý thương mại chính thức của Anh. Ông giải quyết việc mua tất cả các loại vật tư chiến tranh tại Mỹ cũng như sắp xếp việc vận chuyển. Tiếp bước nhà Rothschild ở những thế kỷ trước đó, ông nhanh chóng học được những kỹ năng làm ra lợi nhuận từ việc buôn lậu trong thời chiến. Colin Simpson, tác giả của cuốn *The Lusitania*, miêu tả hoạt động này như sau:

Suốt giai đoạn Mỹ đứng trung lập, các quân nhân mặc thường phục của Anh làm việc tại công ty của Morgan. Tổ hợp ngân hàng lớn này nhanh chóng tạo nên mạng lưới mê cung những chủ hàng giả, tài khoản ngân hàng và cả vật phẩm buôn lậu. Không chỉ Đức thiệt hại mà còn có những trường hợp nghiêm trọng khác khi chúng ảnh hưởng đến Hải quân và hãng Cunard, chưa nói tới những hành khách không may mắn trên những chuyến tàu có chứa hàng lậu.²⁸

Tàu Lusitania

Lusitania là một tàu chở khách của Anh thường xuyên thực hiện hành trình giữa Liverpool và New York. Con tàu này thuộc về Cunard Company, công ty mà như đã trình bày ở trên, là hãng tàu lớn duy nhất được coi là đối thủ cạnh tranh của cartel Morgan. Tàu rời cảng New York ngày 1 tháng 5 năm 1915, và bị tàu ngầm Đức đánh chìm gần bờ biển Ireland 6 ngày sau đó. Trong số 1.195 người thiệt mạng có 195 người Mỹ. Hơn bất cứ sự kiện nào khác, chính sự kiện này đã mang lại cho

²⁷ Chernow, trang 100-01

²⁸ Col in Simpson, *The Lusitania* (Boston: Little, Brown & Co., 1972), trang 50.

những người ủng hộ chiến tranh một nền tảng thuyết phục cho quan điểm của họ, và nó trở thành bước ngoặt trong suy nghĩ của người Mỹ khi họ bắt đầu miễn cưỡng chấp nhận nếu không phải sự cần thiết của cuộc chiến thì ít nhất cũng là khả năng không thể tránh khỏi của nó.

Thông tin tàu *Lusitania* là một tàu chở hành khách là không chính xác. Mặc dù con tàu được xây dựng rất sang trọng, cấu trúc đặc biệt của nó được thiết kế bởi Hải quân Anh để con tàu có thể được chuyển đổi khi cần thiết thành một chiếc tàu chiến. Tất cả mọi thứ từ công suất của động cơ và hình dáng của thân tàu cho tới vị trí của khu vực lưu trữ đạn dược, trên thực tế đều được thiết kế cho hoạt động quân sự. Con tàu được đặc biệt xây dựng để mang theo 12 khẩu súng cỡ nòng 6 inch. Chi phí xây dựng để có được những tính năng này do chính phủ Anh chi trả. Ngay cả trong thời bình, các thuyền viên được yêu cầu gồm cả sĩ quan và thủy thủ của lực lượng dự bị Hải quân Hoàng gia.

Tháng 5/1913, tàu được đưa trở lại xưởng và trang bị thêm vỏ bọc thép, các vòng súng xoay được trên bong tàu và kệ pháo trong khoang chứa đạn. Thang kéo tay để nâng đạn pháo cho vào súng cũng được lắp đặt. 12 khẩu pháo hỏa lực mạnh được vận chuyển tới xưởng. Tất cả điều này được ghi chép công khai tại Bảo tàng Hàng hải Quốc gia tại Greenwich, Anh, nhưng liệu những khẩu đại bác này có thực sự được lắp đặt trong thời gian đó thì vẫn còn nhiều tranh luận. Không có bằng chứng cho điều này. Nhưng trong bất cứ trường hợp nào, vào ngày 17 tháng 9, tàu *Lusitania* vẫn trở lại biển sẵn sàng cho sự khắc nghiệt của cuộc chiến, và con tàu được đưa vào danh bạ hạm đội Hải quân dưới danh nghĩa không phải là tàu chở khách mà là một tàu tuần dương bổ trợ có vũ trang! Sau này, con tàu được liệt kê trong ấn phẩm *Jane's Fighting Ships* là tàu tuần dương phụ trợ và trong ấn phẩm *The Naval Annual* của Anh là tàu buôn có vũ trang.²⁹

Tại xưởng, sự sửa đổi gồm cả việc loại bỏ tất cả phòng cho hành khách tại tầng dưới tàu để tạo nhiều khoảng trống hơn cho hàng hóa quân sự. Sau đó, con tàu trở thành một trong những phương tiện quan trọng nhất chuyên vận chuyển vật tư chiến tranh, gồm cả đạn dược từ Mỹ sang Anh. Ngày 8 tháng 3 năm 1915, sau vài lần giáp mặt với tàu ngầm Đức, thuyền trưởng tàu *Lusitania* xin từ chức. Ông nói ông sẵn sàng đối mặt với các tàu ngầm U-boat nhưng ông không thể "chịu trách nhiệm cho việc trộn lẫn giữa hành khách và đạn dược hay hàng buôn lậu."³⁰

²⁹ Simpson, trang 17-28, 70.

³⁰ Simpson, trang 87

Churchill đặt bẫy

Theo quan điểm của người Anh, mọi thứ đã rất rõ ràng. Trừ khi Mỹ bị kéo vào cuộc chiến với vai trò là đồng minh của họ thì Anh sẽ sớm phải chấp nhận các điều khoản hòa bình. Thách thức ở đây là làm thế nào để đẩy Mỹ ra khỏi vị trí trung lập "cứng đầu". Bằng cách nào để làm được điều này là một trong những khía cạnh gây tranh cãi của cuộc chiến. Nhiều người khó có thể tưởng tượng được việc những người đứng đầu nước Anh có thể cố ý dàn dựng việc đánh đắm một trong những con tàu của họ cùng với những công dân Mỹ trên tàu với mục đích kéo Mỹ vào cuộc chiến theo phe đồng minh. Chắc chắn, ý tưởng này chỉ là tuyên truyền của Đức. Robert Ballard, viết trên tờ *National Geographic*, nói rằng: "Mấy ngày sau vụ tàu chìm, những người có cảm tình với Đức tại New York đưa ra một thuyết âm mưu. Họ cho rằng Hải quân Anh đã cố tình để lộ sơ hở của tàu *Lusitania*, hi vọng rằng con tàu có thể bị tấn công và nhờ thế kéo Mỹ vào cuộc chiến."³¹

Hãy xem xét kỹ hơn thuyết âm mưu này. Winston Churchill, lãnh đạo tối cao của Hải quân Anh thời điểm đó, nói:

Có rất nhiều kiểu mưu mẹo trong chiến tranh... Có sự mưu mẹo về thời gian, về ngoại giao, cơ khí học, tâm lý học; tất cả tách biệt khỏi cuộc chiến, nhưng có thể tác động trở lại cuộc chiến... Sự mưu mẹo để kéo một đồng minh tham gia vào chiến trường là có ích như thắng một trận đánh lớn. Sự mưu mẹo để đạt được một địa điểm chiến lược quan trọng có thể ít giá trị hơn sự mưu mẹo để xoa dịu hoặc gây choáng váng một đối tượng trung lập một cách nguy hiểm.³²

Sự mưu mẹo mà Churchill lựa chọn rõ ràng là quá tàn nhẫn. Theo cái được gọi là *Nguyên tắc Cruiser*, tàu chiến của cả Anh và Đức phải cho thuyền viên của những tàu buôn không được trang bị vũ khí của kẻ thù cơ hội được lên thuyền cứu sinh trước khi đánh chìm nó. Nhưng tháng 10 năm 1914, Churchill ra lệnh rằng tàu buôn của Anh không cần tuân theo yêu cầu của các U-boat phải dừng lại và bị kiểm tra. Nếu có trang bị vũ trang, họ phải sẵn sàng chiến đấu. Nếu không được trang bị vũ trang, họ phải sẵn sàng đâm vào tàu ngầm. Kết quả ngay lập tức của sự thay đổi này là buộc tàu ngầm Đức phải nằm chìm dưới nước để tự bảo vệ và đơn giản là đánh chìm các con tàu mà không cảnh báo trước.

³¹ "Riddle of the Lusitania," by Robert Ballard, *National Geographic*, April, 1994, trang 74.

³² Winston Churchill II, *The World Crisis* (New York: Scribner's Sons, 1949), trang 300. Nội dung này cũng xuất hiện ở trang 464 của cuốn *The Barnes & Noble*, tái bản năm 1993.

Tại sao Anh lại muốn làm điều ngu ngốc như vậy, cái sẽ phải trả giá bằng mạng sống của hàng nghìn thủy thủ của họ? Câu trả lời là đó không phải là một hành động ngu ngốc. Đó là một *chiến lược máu lạnh*. Churchill khoe rằng:

Biện pháp đối phó đầu tiên của Anh, mà tôi chịu trách nhiệm... là ngăn cản người Đức thực hiện cuộc tấn công trên mặt biển. Tàu ngầm U-boat phải phụ thuộc nhiều hơn vào những trận đánh dưới nước, dẫn đến rủi ro lớn hơn là nhằm tàu của các bên trung lập với tàu của Anh, dẫn đến đánh chìm các thủy thủ đoàn trung lập và qua đó kéo Đức vào rắc rối với các cường quốc khác.³³

Để làm tăng khả năng vô tình đánh chìm tàu của các cường quốc trung lập, Churchill lệnh cho các tàu Anh xóa tên trên thân của chúng và khi neo ở cảng thì treo cờ của quốc gia trung lập lên, ưu tiên cờ Mỹ. Để khiêu khích hơn nữa, hải quân Anh được yêu cầu đối xử với những thuyền viên tàu U-boat bị bắt không phải như tù binh chiến tranh mà như những kẻ phạm trọng tội. Churchill viết: "Những người sống sót có thể bị cầm tù hoặc bắn chết - tùy theo phương thức nào thuận tiện hơn."³⁴ Những mệnh lệnh khác, vốn nay là một phần đáng xấu hổ trong kho lưu trữ của Hải quân, thậm chí còn dã man hơn: "Trong chiến đấu, cờ trắng (tức quân đầu hàng - NHĐ) cần phải được nhanh chóng bắn hạ."³⁵

Cái bẫy được lắp đặt cẩn thận. Hải quân Đức mắc vào thế phải bắn trước và hỏi sau. Theo tình hình đó, việc những sinh mạng Mỹ sẽ bị đe dọa là điều không thể tránh khỏi.

Một kho đạn nổ

Sau nhiều năm điều tra, tới nay đã có thể xác định lô hàng được đưa lên tàu *Lusitania* trong chuyến đi cuối cùng đó. Lô hàng bao gồm 600 tấn pyroxylin (với tên thường gọi là guncotton, dùng chế tạo thuốc nổ),³⁶ 6 triệu băng đạn, 1.248 vỏ chứa (có thể không gồm cả chất nổ trong đó), cộng với một số lượng không xác định đạn dược được chất đầy trong các khoang tàu ở boong thấp nhất và nơi chứa đồ của thuyền viên và hàng khách ở boong F. Thêm vào đó, có rất nhiều tấn "pho mát", "mỡ lợn", "lông thú" và những hàng hóa khác sau này được xác định là dán nhãn sai. Chúng là cái gì đến nay vẫn chưa rõ, nhưng chắc chắn chúng là hàng

³³ Churchill, trang 274-75.

³⁴ Lấy từ Nhật ký sỹ quan hải quân Hubert Richmond, Feb. 27, 1915, National Maritime Museum, Greenwich, được trích bởi Simpson, trang 37

³⁵ P.R.O., ADM/116/1359, Dec. 23, 1914, quoted by Simpson, trang 37.

³⁶ Thuốc nổ guncotton mạnh gấp 3 lần thuốc nổ dạng bột trong một không gian bị giới hạn và có thể bắt lửa ở nhiệt độ thấp hơn nhiệt độ cháy rất nhiều. Xem Eissler, Manuel, *Modern High Explosives* (New York: John Wiley & Sons, 1914), trang 110, 112, 372.

buôn lậu nếu không phải là vũ khí chiến tranh. Chúng đều được chuyển giao thông qua công ty J. P. Morgan. Nhưng không chuyển hàng nào bị công chúng nghi ngờ, ít nhất là những người Mỹ kém may mắn đã đặt chỗ trên chuyến tàu dẫn đến cái chết của chính họ cũng như gia đình họ mà không hề hay biết, làm mỗi nhử sống trong một trò chơi toàn cầu thiên về tài chính hơn là chính trị.

Đại sứ quán Đức tại Washington biết rõ bản chất của lô hàng được chất lên tàu *Lusitania* và đã đệ đơn khiếu nại tới chính phủ Mỹ, bởi gần như tất cả hành động này đều vi phạm trực tiếp các điều ước trung lập quốc tế. Phản hồi của Mỹ là phủ nhận hoàn toàn những thông tin trên về lô hàng. Nhận ra rằng Chính phủ Wilson ngầm phê duyệt chuyển hàng, đại sứ quán Đức đã thực hiện nỗ lực cuối cùng để ngăn chặn thảm họa này. Họ đã cho đăng một mẫu tin trên 50 tờ báo ở Bờ Đông, trong đó có cả những tờ báo thuộc thành phố New York, cảnh báo người Mỹ không nên đưa hành khách lên tàu *Lusitania*. Mẫu tin được thanh toán trước và yêu cầu in trên các trang về du lịch trong 1 tuần liền trước ngày tàu khởi hành. Nội dung của mẫu tin như sau:

CHÚ Ý

Hành khách có ý định tham gia hành trình trên Đại Tây Dương cần lưu ý rằng chiến tranh đang xảy ra giữa Đức và đồng minh của Đức với Anh và đồng minh của Anh, phạm vi của cuộc chiến bao gồm cả vùng biển lân cận quần đảo Anh. Theo thông báo chính thức của Chính phủ hoàng gia Đức, tàu treo cờ Anh hoặc của bất cứ đồng minh nào của Anh đều có thể bị tấn công trong vùng biển trên và những hành khách đi qua vùng biển chiến tranh trên những con tàu của Anh hoặc các nước đồng minh của Anh cũng gặp nguy hiểm.

Đại sứ quán hoàng gia Đức

Washington, D.C., 22/4/1915.

Mặc dù mẫu tin được gửi đến các tờ báo kịp thời gian để đăng tin theo đúng yêu cầu, Bộ ngoại giao đã can thiệp và dọa đâm đơn kiện về tội phỉ báng, buộc nhà xuất bản không in mẫu tin nếu không có sự cho phép của các luật sư của Bộ Ngoại giao. Trong 50 tờ báo, chỉ có một tờ báo duy nhất, tờ *Des Moines Register*, cho đăng tin đúng ngày. Những gì xảy ra tiếp theo được miêu tả bởi Simpson như sau:

George Viereck, (Biên tập của một tờ báo Đức lúc đó và cũng là người cho đăng tải mẫu tin thay mặt đại sứ quán) dành cả ngày 24/4 để chất vấn Bộ Ngoại giao tại sao tin quảng cáo của ông vẫn chưa được phép xuất bản. Cuối

cùng, ông sắp xếp được buổi phỏng vấn [với Bộ trưởng Ngoại giao William Jennings Bryan], và chỉ ra cho Bộ trưởng thấy rằng trừ một chuyến đi thì mọi chuyến đi khác của tàu *Lusitania* trong giai đoạn chiến tranh đều vận chuyển đạn dược. Ông cung cấp bản copy bằng chứng cho lời nói của mình, những bằng chứng này cũng có thể được giám định công khai tại văn phòng tiếp nhận hàng. Quan trọng hơn, ông đã thông báo với Bryan rằng ít nhất 6 triệu băng đạn đã sẵn sàng để chuyển lên tàu *Lusitania* vào thứ Sáu tuần sau và có thể kiểm chứng ngay lúc này khi chúng đang được bốc lên tại bến 54. Bryan đã thực hiện cuộc gọi và cho phép xuất bản mẫu tin này. Bộ trưởng hứa với Viereck rằng ông sẽ cố gắng hết sức để thuyết phục Tổng thống cảnh báo công khai người dân Mỹ không nên đi du lịch. Thực tế, không có một cảnh báo nào được Tổng thống đưa ra, dù chắc chắn tổng thống Wilson đã được thông báo về thực trạng lô hàng sắp sửa được đưa lên tàu *Lusitania*. Ông đã không làm gì cả, nhưng đã thừa nhận vào ngày được thông báo về vụ chìm tàu rằng việc biết trước điều không lành đã làm ông mất ngủ nhiều đêm liền.

Việc Wilson là người yêu chuộng hòa bình có thể là thật, nhưng có một điều tương đối chắc chắn là ông không hoàn toàn làm chủ được vận mệnh của mình. Ông xuất thân là một giáo sư đại học từ tháp ngà phủ kín cây thường xuân của Đại học Princeton, một nhà quốc tế chủ nghĩa với ước mơ tạo ra một nhà nước toàn cầu, mở ra một kỷ nguyên mới cho hòa bình. Nhưng ông nhận ra bị vây quanh và phụ thuộc vào những người có ý chí mạnh mẽ, khả năng chính trị sắc sảo và nguồn lực tài chính dồi dào. Trước các lực lượng này, ông không đủ sức mạnh để hành động theo ý mình, và có một lý do hợp lý để tin rằng ông đã âm thầm chịu đựng quá nhiều sự kiện mà ông bị buộc phải tham gia. Chúng hãy để cho người khác lên án việc để 195 người chết dưới đáy biển bằng cách cố tình từ chối cảnh báo về tình trạng nguy hiểm ảnh hưởng đến sinh mạng của họ. Chúng ta cũng có thể tự hỏi làm sao một con người như vậy có thể đạo đức giả đến mức sau đó lên án hành động của người Đức, rồi làm mọi thứ có thể để ngăn cản công chúng biết được sự thật. Sẽ rất ngạc nhiên nếu mức độ hối hận của ông chỉ là vài giờ mất ngủ.³⁷

Chuyến đi cuối cùng

Tuy nhiên, chúng ta hãy trở lại đoạn đầu của câu chuyện. Trong khi Morgan và Wilson đang dàn dựng vụ “chết chóc” bên phía Tây Đại Tây Dương, thì Churchill cũng thực hiện bốn phận của mình về phía Đông. Khi tàu *Lusitania* rời cảng New York ngày 1 tháng 5, con tàu được lệnh sẽ gặp một tàu khu trục của Anh là tàu *Juno* gần bờ biển Ireland để nhận được sự bảo vệ của Hải quân khi đi vào vùng

³⁷ Simpson, trang 97.

biển chiến sự. Tuy nhiên, khi tàu *Lusitania* tới điểm hẹn thì không thấy đâu và thuyền trưởng đoán rằng họ đã không gặp được nhau do sương mù. Sự thật thì tàu *Juno* đã bị hủy chuyển đi trong những phút cuối và được lệnh quay trở lại Queenstown. Quá trình trên xảy ra khi người ta biết rằng tàu *Lusitania* đang thẳng tiến đến vùng biển mà tàu ngầm Đức được biết là đang hoạt động. Càng tụt hơn khi tàu *Lusitania* được lệnh cắt giảm lượng than sử dụng, không phải bởi sắp hết than mà chỉ để đỡ tốn kém hơn. Mục tiêu di chuyển chậm tất nhiên để bị tấn công hơn. Hệ quả là con tàu được yêu cầu tắt 1 trong 4 nồi hơi nước và đang đi vào vùng có tàu ngầm quấy quá chỉ với 75% tốc độ tối đa.

Khi con tàu tiến lại gần vùng nước dữ, hầu hết mọi người đều biết rằng nó đang trong tình cảnh vô cùng nguy hiểm. Báo chí London khơi lại câu chuyện những cảnh báo của người Đức và những vụ đắm tàu gần thời gian đó. Trong phòng bản đồ của Hải quân Anh, Churchill xem vở kịch diễn ra và lạnh lùng chỉ huy. Những chiếc đĩa nhỏ đánh dấu nơi hai con tàu bị tấn công bằng thủy lôi một ngày trước đó. Một vòng tròn xác định vùng tàu ngầm Đức chắc chắn vẫn đang hoạt động. Một chiếc đĩa lớn hơn minh họa tàu *Lusitania* đang di chuyển với tốc độ 19 knots đi thẳng vào phạm vi hoạt động của tàu ngầm. Dù vậy, không một điều gì được thực hiện để giúp con tàu. Đô đốc Coke tại Queenstown nhận được chỉ dẫn hời hợt rằng hãy bảo vệ *Lusitania* hết sức có thể, nhưng không có phương tiện để làm điều đó. Sự thật, không một ai bận tâm thông báo cho thuyền trưởng của tàu *Lusitania* rằng cuộc gặp với tàu *Juno* đã bị hủy bỏ.

Một trong những người có mặt tại phòng bản đồ cấp cao trong ngày định mệnh đó là Trung tá Joseph Kenworthy, người trước đó vừa nhận được lệnh của Churchill đệ trình báo cáo về những hậu quả chính trị của một vụ chìm tàu có hành khách Mỹ trên đó. Ông rời phòng với sự ghê tởm trước ý đồ của cấp trên. Năm 1927, trong cuốn sách của mình, *Sự tự do trên biển (The Freedom of the Seas)*, ông đã viết và không giải thích gì thêm: "Tàu *Lusitania* được gửi đi trong tình trạng tốc độ giảm đi đáng kể tới vùng biển mà tàu ngầm Đức được biết là đang chờ, cùng với việc các tàu hộ tống bị rút về."³⁸ Không cần phải nhận xét thêm gì nữa.

Đại tá House lúc đó đang ở Anh, và vào ngày chìm tàu, theo kế hoạch ông sẽ có một buổi tiếp kiến vua George V. Đi cùng với ông là Edward Grey. Trên đường đi Edward hỏi ông: "Mỹ sẽ làm gì nếu người Đức đánh chìm tàu mà có hành khách Mỹ ở trên đó?" Như nhật ký của House ghi lại, ông trả lời: "Tôi nói với ông ấy rằng nếu điều đó xảy ra, một ngọn lửa căm phẫn sẽ tràn khắp nước Mỹ, điều có thể

³⁸ Joseph M. Kenworthy and George Young, *The Freedom of the Seas* (New York: Ayer Company, 1929), trang 211.

sẽ lôi chúng tôi vào cuộc chiến."³⁹ Khi tới đền Buckingham, vua George cũng nhắc lại chủ đề này và thậm chí còn chi tiết hơn. Ông hỏi, "giả định họ có thể đánh chìm *Lusitania* với những hành khách Mỹ trên đó..."⁴⁰

Một vụ nổ lớn, một ngôi mộ dưới đáy biển

Bốn giờ sau cuộc nói chuyện, làm khói đen của tàu *Lusitania* được phát hiện trên đường chân trời qua kính ngắm của tàu ngầm Đức, chiếc *U-20*. Con tàu thẳng tiến tới chỗ tàu ngầm. Chiếc tàu ngầm chạy hết tốc lực để tránh con tàu rồi quay ngoắt 90 độ, bắn vào mũi con tàu khi con tàu mới đi qua được 750 thước. Ngư lôi đánh trúng vị trí cách mặt nước 9 feet bên mạn phải con tàu phía trước vị trí đài chỉ huy của thuyền trưởng một chút. Quả ngư lôi thứ 2 đã sẵn sàng nhưng cũng không cần đến. Rất nhanh sau vụ nổ, một vụ nổ thứ hai còn lớn hơn rất nhiều đã thổi bay mặt sàn của khoang chứa hàng số hai và khiến cả con tàu lớn ngay lập tức chìm dần xuống đáy biển. Hẳn đã phải có một lỗ thủng rất lớn. Tàu *Lusitania*, một trong những con tàu lớn nhất từng được đóng, chìm trong chưa đầy 18 phút.

Những người sống sót trong nhóm thuyền viên đang làm việc trong phòng nồi hơi khi xảy ra vụ tấn công đã chứng nhận các nồi hơi không bị nổ vào thời điểm đó. Simpson nói:

Quả ngư lôi G đã đánh trượt vách ngăn của phòng nồi hơi số 1, nhưng chệch về phía trước lại có *một cái gì đó* làm nổ tung gần hết sàn của mũi tàu. Đó có thể là đạn pháo 3 inch của công ty Bethlehem, 6 triệu băng đạn dành cho súng trường, hoặc những thành phần không rõ ràng trong những bao lông thú hoặc trong những hộp nhỏ 40 pound đựng phomat. Các thợ lặn từng xuống nơi con tàu chìm đã chứng thực rằng mũi tàu đã bị thổi bay bởi một vụ nổ khủng khiếp từ bên trong, và những mảnh lớn kim loại của mũi tàu, bị oằn đi từ bên trong, được tìm thấy ở cách xa xác tàu.⁴¹

Khi một nhóm tìm kiếm từ Viện hải dương học Woods Hole điều tra xác tàu năm 1993, họ đã báo cáo: "khi máy quay phim của chúng tôi quét qua khoang đựng hàng của tàu, chúng tôi vô cùng bất ngờ khi thấy không có 1 lỗ thủng nào Chúng tôi không tìm thấy một chứng cứ nào chỉ ra rằng ngư lôi của U-Boat từng gây ra một vụ nổ, làm suy yếu một giả thuyết về nguyên nhân khiến con tàu bị chìm."⁴²

³⁹ Seymour, Vol I, trang 432

⁴⁰ *Ibid.*, trang 432

⁴¹ Simpson, trang 157.

⁴² Bal lard, "Riddle of the Lusitania," trang 74, 76.

Rất khó để chia sẻ sự bất ngờ của nhóm nghiên cứu. Những bức ảnh chỉ ra rằng xác tàu nằm nghiêng về phía mạn phải con tàu. Vì đó cũng là bên va chạm với ngư lôi, theo logic thì cái lỗ có thể không nhìn thấy được. Nó nằm ở mạn bị che bởi đáy biển. Việc không nhìn thấy lỗ thủng không làm xói mòn giả thuyết về vụ nổ bên trong. Điều này chính là những gì chúng ta mong đợi.

Trong bất kỳ trường hợp nào, rõ ràng tàu *Lusitania* không thể chìm xuống đáy biển chỉ trong vòng 18 phút mà không có một lỗ thủng ở đâu đó. Ngay cả khi đội tìm kiếm phải thừa nhận sự thực này một cách gián tiếp khi giải đáp câu hỏi cái gì đã gây nên vụ nổ thứ hai. Nhằm tránh đưa ra những ý kiến ủng hộ “thuyết âm mưu”, báo cáo kết luận rằng vụ nổ có thể bị gây ra không phải bởi đạn dược mà bởi vụn than.

Tranh luận về lô hàng trên chuyến tàu cuối cùng cũng được giải quyết năm 2008 khi các thợ lặn di chuyển vào trong thân tàu và tìm thấy hàng triệu băng đạn. Sam Greenhill, viết cho tờ *Mail Online*, ghi lại:

Những người thợ lặn đã làm sáng tỏ bí mật về lô hàng được vận chuyển trên tàu *Lusitania* trong chuyến đi cuối cùng tháng 5, 1915. Đạn dược họ tìm thấy trong khoang tàu chỉ ra rằng người Đức đã đúng khi tuyên bố rằng con tàu đang vận chuyển vật tư chiến tranh và là một mục tiêu quân sự hợp pháp... Nhóm lặn ước tính rằng có khoảng 4 triệu viên đạn loại Remington .303 do Mỹ sản xuất đang nằm trong khoang tàu *Lusitania* ở độ sâu 300 feet.⁴³

Sự che đậy nhanh chóng

Một cuộc điều tra chính thức dưới sự chỉ đạo của Lord Mersey được tiến hành để xác minh sự thật về việc chìm tàu và quy trách nhiệm. Cuộc điều tra này là một vụ gian lận ngay từ đầu. Tất cả mọi bằng chứng và lời khai được sắp đặt trước hết sức cẩn thận để đảm bảo rằng không có gì được lưu lại có thể để lộ sự kết nối giữa quan chức Anh và Mỹ. Trong những báo cáo được đệ trình lên Lord Mersey trước các phiên điều trần có một bản của thuyền trưởng Richard Webb, một trong những người được chọn bởi hải quân để đảm bảo thông tin được che đậy. Nội dung như sau: “Tôi được chỉ đạo bởi Hội đồng Hải quân thông báo với các vị rằng mục đích chính trị đòi hỏi phải coi thuyền trưởng Turner của tàu *Lusitania* phải chịu phần lớn trách nhiệm cho thảm họa này.”⁴⁴

⁴³ "Secret of the Lusitania: Arms find challenges Allied claims it was solely a passenger ship ", Sam Greenhill, *Mail Online*, Dec. 20, 2008, được đăng tải trên mạng Internet.

⁴⁴ The Papers of Lord Mersey, Bignor Park, Sussex, trích dẫn bởi Simpson, trang 190.

Và Turner phải chịu như vậy. Bất cứ ai đọc bản báo cáo cuối cùng mà không biết sự thật đều sẽ kết luận rằng thuyền trưởng William Turner chắc chắn phải nhận trách nhiệm. Tuy nhiên, Mersey đã cố gắng để làm giảm mức độ quy kết. Ông viết: “ ... Tôi và không nên đổ hết cho thuyền trưởng.... Sau khi cân nhắc tất cả các khía cạnh, công bằng mà nói, sự thiếu sót của ông không phải do ông sơ suất hay thiếu năng lực”. Và tiếp sau đó ông thêm một đoạn văn cuối cùng mà nếu nhìn bề ngoài dường như là một sự lên án phía Đức, nhưng nếu được đọc với sự hiểu biết bối cảnh thì lại là một bản cáo trạng đối với Churchill, Wilson, House và Morgan. Ông viết:

Tất cả tội lỗi của sự tàn khốc hủy đi bao nhiêu sinh mạng trong tai họa này chỉ có thể quy cho với những người lập mưu và những người thực hiện tội ác này.⁴⁵

Hai ngày sau khi phán quyết của ông được đưa ra, Mersey gửi đơn cho thủ tướng Asquith và từ chối nhận tiền phí cho công việc của mình. Ông nói thêm: “Tôi phải yêu cầu rằng từ này về sau tôi xin thôi không giữ vị trí tư vấn pháp lý cho Nhà vua nữa.” Trong những năm sau đó, bình luận duy nhất của ông về sự kiện này là: “Trường hợp tàu *Lusitania* là một thương vụ bản thủ khủng khiếp.”⁴⁶

Kêu gọi chiến tranh

Mục tiêu của những kẻ chủ mưu có thể được đáp ứng tốt hơn nếu một con tàu của Mỹ bị người Đức đánh chìm, nhưng 1 tàu của Anh cùng 195 người Mỹ trên đó bị đánh chìm cũng đã đủ để đạt được mục đích. Những kẻ chủ mưu không phải tốn thời gian cho việc khuấy động tâm lý người dân. Wilson đã gửi một bức điện đầy phẫn nộ tới Chính phủ Hoàng gia Đức, và nó được đăng trên khắp báo chí.

Tới lúc đó, Bryan đã hoàn toàn tình nguyện trước sự hai mặt của chính phủ mà ông phục vụ. Ngày 9 tháng 5, ông gửi một bức thư lên án cho Wilson:

Đức có quyền ngăn chặn hàng lậu vận chuyển đến các nước đồng minh và một con tàu chở hàng lậu không được dựa vào hành khách trên tàu để bảo vệ tàu khỏi bị tấn công - điều này giống như việc đẩy phụ nữ và trẻ em ra tiền tuyến.⁴⁷

Việc này đã không ngăn cản Wilson thực hiện cam kết của mình. Một bức thư khác với lời lẽ còn gay gắt hơn được gửi tiếp theo đó, nó được thảo luận căng thẳng tại

⁴⁵ Simpson, trang 241.

⁴⁶ *Như trên*, trang 241.

⁴⁷ Bryan, Vol II, trang 398-9.

buổi họp Nội các trong ngày đầu tiên của tháng 6. McAdoo, người đã có mặt tại buổi họp, nói:

Tôi nhớ rằng Bryan đã nói rất ít tại cuộc họp, ông ngồi yên trong suốt quá trình với đôi mắt nhắm một nửa suốt gần cả buổi họp. Sau buổi họp, ông nói với Tổng thống, điều tôi được biết sau đó, rằng ông đáng ra không nên ký vào bức thư... Bryan tiếp tục nói rằng ông thấy mình không còn hữu dụng trong vai trò Bộ trưởng Ngoại giao nữa và xin từ chức.⁴⁸

Theo yêu cầu của Wilson, McAdoo được lệnh tới nhà Bryan để thuyết phục Bộ trưởng thay đổi quyết định vì sợ rằng sự từ chức của ông sẽ bị coi là một sự chia rẽ trong Nội các của Tổng thống. Bryan đồng ý suy nghĩ thêm 1 ngày, nhưng ngay sáng hôm sau, quyết định của ông đã được xác nhận. Trong hồi ký của ông, mà vợ ông cũng là đồng tác giả, bà Bryan hé lộ rằng chồng bà không thể ngủ đêm đó. “Ông đã thao thức. Tôi khuyên rằng ông nên đọc gì đó một chút cho tới khi thiếp đi. Ông có trong túi bản copy một cuốn sách cũ in năm 1829 tên là “Một vòng hoa tưởng nhớ Andrew Jackson”. Ông thấy cuốn sách rất thú vị.”⁴⁹

Thật là một sự mỉa mai. Trong Chương 17 chúng ta sẽ nhìn lại tổng thể cuộc chiến được tiến hành bởi tổng thống Jackson chống lại Ngân hàng Hoa Kỳ, tiền thân của Cục Dự trữ Liên bang, và chúng ta sẽ được nhắc rằng chính Jackson đã tiên đoán:

Có phải không có những mối nguy hiểm đe dọa sự tự do và độc lập của chúng ta từ một ngân hàng mà bản chất của nó có rất ít sự ràng buộc với quốc gia này?...(Có hay không) nguyên nhân dẫn đến sự nghi ngờ tính trong sạch của các cuộc bầu cử trong thời bình và sự độc lập của Mỹ trong thời chiến?... Quản lý đồng tiền của chúng ta, nhận tiền gửi của công chúng, và giữ hàng ngàn công dân phụ thuộc vào đó còn có thể khó khăn và nguy hiểm hơn sức mạnh lục quân và hải quân của kẻ thù.⁵⁰

Chúng ta chỉ có thể thắc mắc Bryan đã suy nghĩ gì khi ông hồi tưởng lại những cảnh bảo của Jackson và áp dụng nó vào hội chứng cuồng chiến tranh nhân tạo mà thời điểm đó đang được sản sinh ra bởi sức mạnh tài chính của Phố Wall và Cục Dự trữ Liên bang mới được thành lập.

Từ Anh, Đại tá House gửi một bức điện tới Tổng thống Wilson và sau đó được đọc cho các bộ trưởng nghe. Nó được nhân lên thành hàng ngàn bài xã luận in trên mặt báo khắp cả nước. Ông nói một cách ngoan đạo:

⁴⁸ McAdoo, trang 333.

⁴⁹ Bryan, Vol . II, trang 424.

⁵⁰ Herman E. Krooss, ed. *Documentary History of Banking and Currency in the United States* (New York: Chelsea House, 1983), Vol . III, trang 26-27.

Đã đến lúc Mỹ bước vào ngã ba đường, khi phải xác định liệu nó ủng hộ lối chiến tranh văn minh hay phi văn minh. Chúng ta không thể đứng ở vị trí khán giả trung lập lâu hơn được nữa. Hành động của chúng ta trong cuộc khủng hoảng này sẽ xác định vai trò của chúng ta khi hòa bình được lập lại, và việc chúng ta có thể gây ảnh hưởng như thế nào để thiết lập lợi ích lâu dài cho nhân loại. Chúng ta đang được đưa lên bàn cân, và vị trí của chúng ta giữa các quốc gia được đánh giá bởi nhân loại.⁵¹

Trong một bức điện khác hai ngày sau đó, House hé lộ rằng chính ông là chuyên gia tâm lý-chính trị, người đã đánh vào cái tôi của Wilson như một nghệ sĩ dương cầm vuốt dây đàn Stradivarius. Ông viết:

Nếu cần phải tham chiến, dù không vui vẻ gì, tôi hy vọng ngài sẽ cho thế giới thấy sức mạnh của Mỹ, điều sẽ trở thành bài học cho thế kỷ sau hoặc lâu hơn thế. Cả Châu Âu gần như tin rằng chúng ta không chuẩn bị gì và rằng có thể mất rất nhiều thời gian để đưa nguồn lực của chúng ta vào hoạt động, và rằng sự tham chiến của chúng ta sẽ tạo ra rất ít sự khác biệt.

Trong trường hợp xảy ra chiến tranh, chúng ta nên đẩy mạnh sản xuất vũ khí để không những đủ cho chính chúng ta mà còn đủ để cung cấp cho Đồng minh, và cả thế giới sẽ sớm kinh ngạc.⁵²

Quốc hội không thể chống lại áp lực tổng hợp của báo chí và tổng thống. Ngày 16/4/1917, Hoa Kỳ chính thức tuyên chiến với Đức. Tám ngày sau đó, Quốc hội thông qua Đạo luật cho vay Chiến tranh nâng khoản tín dụng cho phe Liên minh lên thêm 1 tỷ đô. Khoản chi trước 200 triệu đô được gửi đến Anh ngay ngày hôm sau và ngay lập tức được sử dụng để chi trả những khoản nợ cho Morgan. Ít ngày sau, 100 triệu đô được gửi tới Pháp để thực hiện mục đích tương tự. Chưa dừng lại ở đó. Trong vòng 3 tháng Anh đã sử dụng hết khoản thấu chi của Morgan lên tới 400 triệu đô, và công ty này đã trình các khoản chi này lên chính phủ (Mỹ) để yêu cầu thanh toán. Tuy nhiên, Bộ Tài chính không thể chi trả khoản tiền này mà không gây nguy hiểm cho các khoản quỹ chi tiêu khác của mình và ban đầu họ từ chối thanh toán. Tuy nhiên, vấn đề nhanh chóng được giải quyết thông qua một thủ thuật được miêu tả kỹ ở Chương 10. Cục Dự trữ Liên bang dưới sự lãnh đạo của Benjamin Strong đơn giản in thêm số tiền cần thiết thông qua Cơ chế Mandrake (Xem [Chương 10](#) để biết chi tiết). Ferrell đã viết “Chính quyền Wilson nhận thấy đang ở trong tình thế vô cùng khó khăn, phải giải cứu J. P. Morgan,” nhưng Benjamin Strong “đã đề nghị giúp (Bộ trưởng Tài chính) McAdoo vượt qua khó khăn này. Trong những tháng tiếp theo năm 1917, 1918, Bộ Tài chính đã âm thầm thanh

⁵¹ Seymour, trang 434.

⁵² *Ibid.*, trang 435.

toán cho Morgan từng phần của khoản thấu chi này.”⁵³ Trước khi cuộc chiến kết thúc, Bộ Tài chính đã chi hết tổng cộng 9,466 tỉ đô bao gồm cả 2,17 tỉ đô sau khi đình chiến.

Đó chính là dòng tiền mà họ đã chờ đợi từ lâu. Không chỉ cứu những khoản cho vay của Morgan, lợi nhuận khổng lồ đã được tạo ra từ sản xuất phục vụ chiến tranh. Chính phủ đã bí mật chuẩn bị suốt 6 tháng trước khi đưa ra thông báo chính thức. Theo Franklin D. Roosevelt và sau đó là trợ lý Bộ trưởng Hải quân, Bộ Hải quân đã bắt đầu mở rộng hoạt động thu mua vật tư chiến tranh vào mùa thu năm 1916.⁵⁴ Ferdinand Lundberg cho biết thêm:

Không phải ngẫu nhiên mà tất cả những chức vụ chiến lược của chính phủ, đặc biệt là những vị trí có liên quan tới việc thu mua, chỉ dành riêng cho những nhà yêu nước Phố Wall. Đối với những vị trí sống còn, Wilson đã tham khảo ý kiến của Dodge (chủ tịch Ngân hàng National City Bank của Rockefeller), người đã đề nghị một người chưa từng được biết đến là [Bernard] Baruch, một nhà đầu cơ đồng, vào chức chủ tịch Cục Công nghiệp Chiến tranh đầy quyền lực...

Là người đứng đầu Cục Công nghiệp Chiến tranh, Baruch tiêu tốn 10 tỷ đô của chính phủ mỗi năm... Baruch đưa vào Cục Công nghiệp Chiến tranh và các ủy ban của nó những người thao túng, nhà tư bản công nghiệp, tư bản tài chính Phố Wall và đại lý của họ trong quá khứ và tương lai..., những người tính giá trên cơ sở chi phí cộng với tiền lãi, và như những cuộc điều tra sau này tiết lộ, những chi phí này được độn thêm lên rất nhiều để sinh ra những khoản lợi nhuận ngầm.

Những người lính Mỹ chiến đấu trong các chiến hào, những người làm việc ở nhà, cả nước Mỹ trong tình trạng sẵn sàng chiến đấu, đang chiến đấu không chỉ để đánh bại Đức mà còn đánh bại chính họ. Rõ ràng cách giải thích này không có gì là siêu hình khi chúng ta quan sát rằng tất cả các khoản chi trong thời chiến của Chính phủ Mỹ từ ngày 06/04/1917 tới ngày 31/10/1919, khi đạo quân cuối cùng trở về từ Châu Âu, là 35,413 tỉ đô. Tổng lợi nhuận trong giai đoạn từ ngày 01/01/1916 tới tháng 7/1921, khi hoạt động công nghiệp chiến tranh cuối cùng được thanh lý, là 38 tỉ đô, hoặc tương đương với khoản chi cho chiến tranh. Hơn 2/3 khoản lợi nhuận này thuộc về những công ty mà Ủy ban Pujo đã phát hiện ra là nằm dưới sự chỉ đạo của “Liên minh độc quyền tiền tệ.”⁵⁵

Thông qua việc điều hành Cục Dự trữ Liên bang, cartel ngân hàng có thể tạo thêm tiền để gửi đến Anh và Pháp, đến lượt Anh và Pháp lại thanh toán cho các ngân

⁵³ Ferrel I, trang 89, 90.

⁵⁴ Clarence W. Barron, *They Told Barron*; Notes of Clarence Walker Barron, edited by Arthur Pound and Samuel Taylor Moore (New York: Harper and Brothers, 1930), trang 51.

⁵⁵ Lundberg, trang 134,144-45

hàng Mỹ, chính xác như những gì đã xảy ra một lần nữa trong Thế chiến II và trong các gói giải cứu lớn những năm 1980 và 1990. Sự thật là vào năm 1917, thuế thu nhập cá nhân được ban hành gần thời điểm đấy đã rất hữu ích trong việc mang lại một số tiền lớn để tiến hành chiến tranh, và như Beardsley Ruml chỉ ra vài năm sau đó, để cướp đi sức mua của tầng lớp trung lưu. Nhưng nguồn tài trợ lớn nhất trong thời chiến không đến từ thuế trực tiếp mà luôn luôn từ khoản thuế gián tiếp có tên gọi là lạm phát. Từ năm 1915 tới 1920, cung tiền được nhân lên gấp đôi từ 20,6 tỷ đô lên 39,8 tỷ đô.⁵⁶ Ngược lại, trong Thế chiến I, sức mua của đồng tiền giảm gần 50%. Có nghĩa là người Mỹ đã trả mà không hay biết cho chính phủ ước tính ½ lượng đô la đang lưu thông. Và khoản tiền này thêm vào khoản thuế của họ. Việc bơm thêm một lượng tiền lớn là sản phẩm của Cơ chế Mandrake và không tốn chi phí để tạo ra. Tuy vậy, các ngân hàng có thể thu lãi trên toàn bộ khoản tiền này. Quan hệ hợp tác lâu đời giữa những nhà chính trị và tiền tệ đã thực hiện tốt nhiệm vụ của nó.

Tóm lược

Để tài trợ cho giai đoạn đầu của Thế chiến I, Anh và Pháp đã vay rất nhiều tiền từ những nhà đầu tư Mỹ và đã lựa chọn tập đoàn Morgan làm đại lý bán những trái phiếu của họ. Morgan cũng đóng vai trò như đại lý thu mua vật tư chiến tranh tại Mỹ, sau đó thu lợi nhuận từ cả hai chiều của dòng tiền: một là khi tiền được cho vay và khi nó được sử dụng. Những khoản lợi nhuận khác được bắt nguồn từ những hợp đồng sản xuất được giao cho các công ty nằm trong phạm vi hoạt động của Morgan. Nhưng chiến tranh bắt đầu có những chuyển biến xấu đi đối với các nước đồng minh khi tàu ngầm Đức nắm quyền kiểm soát tuyến đường hàng hải Đại Tây Dương. Khi Anh và Pháp tiến gần hơn đến thất bại hay một thỏa thuận hòa bình theo điều kiện của Đức, việc bán trái phiếu của hai nước này trở nên khó khăn hơn. Không có trái phiếu đồng nghĩa với việc không có hoạt động mua bán, và dòng tiền của Morgan bị đe dọa. Hơn nữa, nếu những trái phiếu được bán ra trước đó bị mất khả năng thanh toán, điều này chắc chắn sẽ xảy ra nếu Anh và Pháp thua trận, tập đoàn Morgan sẽ bị thua lỗ nặng nề.

Cách duy nhất để giúp Hoàng gia Anh, để giữ lại giá trị của trái phiếu, và để duy trì dòng tiền của Morgan là để chính phủ Mỹ cung cấp số tiền này. Nhưng bởi theo các hiệp định, một quốc gia trung lập bị cấm có những hành động hỗ trợ như

⁵⁶ "Deposits and Currency—Adjusted Deposits of All Banks and Currency Outside Banks, 1892-1941," *Banking and Monetary Statistics, 1914-1942* (Washington, D.C.: Board of Governors of the Federal Reserve System, 1976), trang 34.

vậy, Mỹ sẽ phải được đưa vào cuộc chiến. Một hiệp định bí mật phục vụ mục tiêu này được thực hiện giữa các quan chức Anh và Đại tá House, với sự tán thành của Tổng thống. Từ thời điểm đó, Wilson bắt đầu gây sức ép lên Quốc hội để có thể tuyên chiến. Hoạt động này vẫn được tiến hành trong suốt thời gian ông tổ chức chiến dịch tái tranh cử với khẩu hiệu: "Ông ấy giữ nước Mỹ đứng ngoài cuộc chiến." Trong khi đó, Morgan theo đuổi quyền kiểm soát những phân đoạn chính yếu của phương tiện truyền thông và vạch ra một cuộc tấn công ồ ạt trên các ấn phẩm khắp cả nước để chống lại Đức, kêu gọi chiến tranh như một hành động yêu nước của người Mỹ.

Morgan đã tạo ra một cartel hàng hải quốc tế, bao gồm cả tàu thương mại của Đức, gần như duy trì sự độc quyền trên nhiều vùng biển rộng lớn. Chỉ có hãng tàu Curnard của Anh vẫn đứng độc lập. Tàu *Lusitania* thuộc sở hữu của Curnard và hoạt động cạnh tranh với cartel của Morgan. Tàu *Lusitania* được thiết kế với các đặc điểm phù hợp cho hoạt động quân sự và được đăng ký với Hải quân Anh như một tàu tuần dương phụ trợ được trang bị vũ trang. Con tàu chở hành khách để làm vỏ bọc che dấu mục đích thật là vận chuyển lậu vật tư chiến tranh từ Mỹ. Sự thật này đã được thông báo cho Wilson và những lãnh đạo khác trong chính quyền của ông, nhưng họ không làm gì để ngăn cản vụ việc. Khi đại sứ quán Đức cố gắng đăng một tin cảnh báo tới hành khách Mỹ, Bộ Ngoại giao đã can thiệp và ngăn cản các tờ báo đăng tin này. Khi tàu *Lusitania* rời cảng New York trong hành trình cuối cùng của nó, con tàu thực sự là một kho đạn nổ.

Người Anh biết rằng việc kéo được Mỹ vào cuộc chiến sẽ quyết định việc thành bại trong trận chiến, và bất cứ điều gì có thể mang đến điều này đều đáng để thực hiện - kể cả sự hy sinh có tính toán lạnh lùng một trong những con tàu tốt nhất với những người dân Anh trên đó. Nhưng âm mưu được chuẩn bị phải có cả người Mỹ trên tàu để có thể tạo được xu hướng tâm lý phù hợp ở Mỹ. Khi tàu *Lusitania* di chuyển vào vùng biển thù địch, nơi tàu ngầm của Đức được biết là đang hoạt động, Chỉ huy Hải quân Winston Churchill đã lệnh cho tàu bảo vệ bỏ mặc *Lusitania*. Điều này, cộng thêm với thực tế rằng tàu *Lusitania* đã được lệnh giảm tốc độ, khiến con tàu trở thành mục tiêu dễ bị tấn công. Sau ảnh hưởng của một quả ngư lôi trúng đích, vụ nổ khủng khiếp thứ hai xuất phát từ bên trong xé con tàu thành từng mảnh, con tàu mà nhiều người không tin rằng có thể nhanh chóng ngập nước và chìm xuống đáy biển trong vòng chưa đầy 18 phút.

Âm mưu đã được thực hiện, và nó tạo nên những làn sóng lan truyền lớn chống lại Đức. Những làn sóng này cuối cùng quét qua Washington và cuốn Mỹ vào cuộc chiến. Chỉ mấy ngày sau khi tuyên chiến, Quốc hội thông qua khoản tín dụng

1 tỷ đô cho Anh và Pháp. 200 triệu đô được gửi đến Anh ngay lập tức và được chuyển vào tài khoản của Morgan (để trả nợ). Khoản tiền khổng lồ cần có để tài trợ cho cuộc chiến được tạo ra bởi Cục Dự trữ Liên bang, có nghĩa là khoản tiền này được thu từ người Mỹ thông qua khoản thuế gián tiếp còn được gọi là lạm phát. Chỉ trong vòng 5 năm, khoản thuế này đã lấy hết một nửa số tiền mà người dân tích trữ. Thêm vào hóa đơn còn có chi phí cao hơn rất nhiều là máu của người Mỹ.

Tóm lại có thể cho rằng những động cơ riêng biệt của nhiều cá nhân như Winston Churchill, J.P. Morgan, Đại tá House, and Woodrow Wilson hợp lại thành nguyên nhân chung kéo Mỹ vào Thế chiến I. Churchill tìm cách có được lợi thế quân sự, Morgan nhắm vào khoản lợi nhuận từ chiến tranh, House tìm kiếm sức mạnh chính trị và Wilson ước mơ một cơ hội thống trị một Hội Quốc Liên sau chiến tranh.

GIỚI THIỆU DỰ ÁN *NGHIENCUUQUOCTE.NET*

Mục đích

Nghiencuuquocte.net là một dự án phi chính trị, phi lợi nhuận nhằm mục đích phát triển nguồn học liệu chuyên ngành nghiên cứu quốc tế bằng tiếng Việt và thúc đẩy việc học tập, nghiên cứu các vấn đề quốc tế tại Việt Nam.

Lý do ra đời

Trong khi số người học tập và nghiên cứu về các vấn đề quốc tế ở Việt Nam ngày càng gia tăng thì việc tiếp cận các tài liệu mang tính học thuật của thế giới về lĩnh vực này còn rất hạn chế vì hai lý do: Thứ nhất, các tài liệu này thường phải trả phí mới tiếp cận được, trong khi các trường đại học và viện nghiên cứu của Việt Nam hầu như không có chi phí trang trải. Thứ hai, các tài liệu này chủ yếu được xuất bản bằng tiếng Anh, khiến nhiều sinh viên, nhà nghiên cứu, và đặc biệt là quảng đại độc giả quan tâm đến các vấn đề quốc tế nói chung, gặp khó khăn trong việc tiếp thu, lĩnh hội. *Nghiencuuquocte.net* ra đời với hi vọng sẽ góp phần khắc phục được các vấn đề trên.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của *Nghiencuuquocte.net* là biên dịch sang tiếng Việt và xuất bản trên website của mình các nguồn tài liệu mang tính học thuật bằng tiếng Anh về lĩnh vực quan hệ quốc tế, bao gồm chính trị quốc tế, kinh tế quốc tế, và luật pháp quốc tế.

Các tài liệu này chủ yếu là các bài báo trên các tạp san quốc tế, các chương sách, hoặc các tài liệu tương ứng, đã được xuất bản bởi các nhà xuất bản, các trường đại học và viện nghiên cứu có uy tín trên thế giới.

Các bài dịch học thuật của Dự án được đăng tại chuyên mục [Biên dịch](#). Danh mục rút gọn của các bài dịch này được đăng trên trang [Mục lục](#).

Từ tháng 6/2014, Dự án còn xuất bản chuyên mục [Bình luận](#) để đăng các bài bình luận tiêu biểu của các tác giả Việt Nam hoặc dịch từ các nguồn tiếng Anh uy tín về các vấn đề quan hệ quốc tế và chính sách đối ngoại Việt Nam. Ngoài ra, Dự án cũng ra mắt chuyên mục [Ấn phẩm](#) để chia sẻ các bài viết nghiên cứu về quan hệ quốc tế bằng tiếng Việt và tiếng Anh với sự cho phép của các tác giả liên quan.

Trang chủ dự án: <http://nghiencuuquocte.net/>

Thông tin thêm về Dự án: <http://nghiencuuquocte.net/about/>

Danh mục các bài đã xuất bản: <http://nghiencuuquocte.net/muc-luc/>

Theo dõi Dự án trên Facebook: <https://www.facebook.com/DAnghiencuuquocte>

Ý kiến đóng góp và mọi liên hệ xin gửi về: Lê Hồng Hiệp, nghiencuuquocte@gmail.com
